

Lối ra cho tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn

NGUYỄN HOÀNH XANH*

PHÁT triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Hiện nay, nước ta vẫn là một quốc gia nông nghiệp, kết cấu hạ tầng còn thấp kém. Đáng lưu ý là trong các mặt hàng xuất khẩu thì nông sản đang chiếm ưu thế. Về cơ bản các mặt hàng xuất khẩu nông sản của ta vẫn là dưới dạng thô (chiếm 90%), chưa qua chế biến, khả năng bảo quản kém. Nếu so với các mặt hàng nông sản cùng loại trên thị trường khu vực và thế giới, sức cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam còn kém: có đến 60% được bán với giá thấp (từ 10-15% so với cùng loại của các nước trong khu vực). Vì vậy, khả năng tiêu thụ hàng nông sản Việt Nam còn bị hạn chế. Hiện nay, những vấn đề nổi cộm của khu vực kinh tế nông thôn như: chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, gia tăng khả năng tiêu thụ hàng nông sản, đào tạo nghề và tìm việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn... là những bài toán cần có lời giải. Để có bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực nông nghiệp, nông thôn nhằm sử dụng hợp lý và khai thác tiềm năng nguồn lực ở khu vực này có hiệu quả, phục vụ tốt tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn cần

tập trung vào một số vấn đề cụ thể sau:

1 - Phát triển công nghiệp nông thôn

Công nghiệp nông thôn được hiểu là hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp tại các huyện, thị trấn và xã. Hiện nay, quy mô của công nghiệp nông thôn nhìn chung trên phạm vi cả nước còn nhỏ bé. Theo con số thống kê tại một số tỉnh thì công nghiệp nông thôn chỉ chiếm khoảng 10% giá trị sản xuất. Trong khi đó từ những thập kỷ 60 của thế kỷ XX công nghiệp nông thôn của Đài Loan đã đóng góp 60% cho khu vực nông thôn và đóng góp trên 60% kim ngạch xuất khẩu.

Mục tiêu phấn đấu trong vài thập niên tới là nước ta cơ bản sẽ trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nên việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, vì rằng đây là một địa bàn chiếm tới hơn 70% lực lượng lao động của toàn xã hội, nhất là thời gian nông nhàn của lao động ở khu vực nông thôn hiện nay còn chiếm tới 25% thời gian làm việc trong năm, tương đương với 9 triệu lao động bị thất nghiệp. Chỉ như vậy chúng ta mới có thể tạo ra nhiều công ăn việc làm, giảm thiểu thời gian nông nhàn, từ đó rút ngắn sự chênh lệch về khả năng phát triển kinh tế giữa thành thị và nông thôn, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra. Trong thời gian tới, Nhà nước cần ưu tiên đặc biệt về đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ, tư vấn khoa

* ThS, Văn phòng đại diện của Ngân hàng Nhà nước tại TP Hồ Chí Minh

học kỹ thuật, đào tạo nhân lực và một cơ chế tài chính, tín dụng thông thoáng phù hợp với khả năng phát triển của khu vực này. Mặt khác, phát triển công nghiệp nông thôn phải được đặt trong mối tương quan với chiến lược phát triển công nghiệp trên phạm vi cả nước nhằm sử dụng, khai thác các lợi thế so sánh và tối ưu hóa các nguồn lực xét trên phạm vi tổng thể của nền kinh tế. Các doanh nghiệp ở khu vực nông thôn sẽ là vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn trong việc gia công, lắp ráp các sản phẩm công nghiệp. Từ đó, sẽ có điều kiện thực hiện tốt chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý giữa các thành phần kinh tế với nhau. Đây được xem như là một giải pháp rất quan trọng để chuyển nền kinh tế từ chỗ dựa trên lao động thủ công sang lao động cơ khí, từ đó tạo ra các bước phát triển đồng đều giữa các ngành và các lĩnh vực của nền kinh tế. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp nông thôn sẽ tạo ra sự tác động kép: một mặt, nó tạo ra xung lực mới để đưa kinh tế nông thôn phát triển lên một giai đoạn cao hơn; mặt khác, nó sẽ tạo ra những tiền đề để thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài. Nếu làm tốt điều này sẽ tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

Điều quan trọng là công nghiệp nông thôn phải phục vụ đắc lực cho việc tham gia sản xuất, chế biến và tiêu thụ hàng nông lâm, thủy sản. Do vậy cần tập trung vốn đầu tư cho công nghiệp chế biến, nhất là khâu đổi mới máy móc thiết bị và trang bị công nghệ mới. Đó là yếu tố rất quan trọng để hạ giá thành và nâng cao chất lượng hàng hóa nhằm nâng cao vị thế của hàng nông sản Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới.

Gắn liền với việc phát triển công nghiệp nông thôn, cần thúc đẩy quá trình đô thị hóa tại các thị trấn, thị tứ, các cụm dân cư tại khu vực nông thôn, cải thiện kết cấu hạ tầng ở nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành phát triển các khu công nghiệp,

thương mại và dịch vụ. Đây cũng là một yếu tố quan trọng để thu hút nguồn nhân lực từ nông nghiệp và nông thôn. Muốn vậy, Nhà nước cần gia tăng vốn đầu tư cho khu vực kinh tế nông thôn, mà hiện đang còn khá khiêm tốn. Thiết nghĩ, vốn đầu tư cho khu vực kinh tế nông thôn ít nhất cũng phải tương xứng với khả năng đóng góp của khu vực này cho nền kinh tế. Và một khi tiến trình trên trở thành hiện thực sẽ tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế nông thôn: Một mặt, tạo nên sự biến đổi về chất trong cơ cấu nguồn nhân lực, với xu hướng chất lượng lao động ngày càng được nâng cao về mọi phương diện phù hợp với những đòi hỏi mới ngày càng cao của nền kinh tế. Mặt khác, tạo ra sự thay đổi về cơ cấu tiêu dùng ở nông thôn, theo hướng chi tiêu nhiều hơn cho các mặt hàng công nghiệp và dịch vụ, phù hợp với các bước phát triển của nền kinh tế thị trường.

Vì địa bàn nông thôn rộng lớn, nên muốn mở rộng các quan hệ thị trường ở cả đầu vào, lẫn đầu ra, nhằm thúc đẩy quan hệ hàng hóa - tiền tệ ở khu vực nông thôn lên một cấp độ mới, phải củng cố và mở rộng hoạt động của khu vực chợ nông thôn, các hợp tác xã mua bán. Chính sự hoạt động tích cực và năng động của hệ thống này sẽ làm sôi động thị trường nông thôn, các sản phẩm làm ra dễ tiêu thụ hơn.

2 - Phát triển và chuyển dịch cơ cấu nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, và quyết định quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm nhanh chóng hội nhập nền kinh tế nước ta với khu vực và thế giới. Trong thời gian qua, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực chưa được quan tâm đúng mức, chưa có bước đi thích hợp nhằm đem lại hiệu quả thiết thực. Hiện nay, cả nước có gần 40 triệu lao động (chiếm gần một nửa dân số), trong đó có tới 83% lao động chưa có trình độ

chuyên môn kỹ thuật, vẫn dựa trên nền tảng lao động thủ công là chủ yếu. Chỉ số tổng hợp về nguồn nhân lực của Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm (thang điểm 10). So với các nước trong khu vực, Việt Nam đứng sau Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin và Thái Lan. Năng suất lao động của nước ta cũng thấp hơn nhiều với các nước trong khu vực: thấp hơn so với In-đô-nê-xi-a là 2,1 lần, Phi-lip-pin 3,2 lần, Thái Lan 4,4 lần. Năng suất nhân tố tổng hợp của ta (TFP) chỉ chiếm 28,2% trong tăng trưởng kinh tế, trong khi đó con số này ở các nước trong khu vực là 40%. Điều này phản ánh thực trạng hàm lượng chất xám trong giá thành sản phẩm của ta còn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Để tăng tỷ trọng của năng suất nhân tố tổng hợp trong tăng trưởng kinh tế, Nhà nước đã đề ra năm 2005 nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% và phấn đấu đến năm 2010 đạt 40%. Thực ra mức phấn đấu đó là còn rất khiêm tốn trong bối cảnh chúng ta đang chủ động tiếp cận sớm với kinh tế tri thức (đặc trưng là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, chất xám chiếm tỷ lệ chủ yếu trong giá thành sản phẩm). Thiết nghĩ, các mục tiêu trên cần được điều chỉnh tăng hơn nữa để phù hợp với các bước phát triển mới của hội nhập kinh tế quốc tế. Đó cũng sẽ là con đường ngắn nhất để gắn liền tri thức khoa học với thực tiễn sản xuất, và cũng là biện pháp hữu hiệu nhất để tăng năng suất lao động xã hội.

Cùng với quá trình tăng trưởng liên tục ở mức độ cao, trong thời gian qua, nền kinh tế có sự chuyển dịch về tỷ trọng trong GDP của các ngành. Đó là sự gia tăng nhanh chóng của các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và sự giảm đáng kể ngành nông nghiệp, điều này hoàn toàn phù hợp với sự vận hành của nền kinh tế hướng về thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Nếu như trước đây ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng từ 40% - 45% GDP thì đến thời điểm hiện tại chỉ còn chiếm tỷ trọng trên 20% GDP, tỷ trọng này sẽ còn giảm nữa. Theo lô-gíc thông thường thì việc

giảm tỷ trọng GDP của ngành nông nghiệp sẽ kéo theo sự giảm tương ứng nguồn nhân lực của ngành này trong tổng lao động xã hội. Tuy nhiên, trong thời gian qua tỷ trọng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp trong toàn bộ lực lượng lao động xã hội hầu như không giảm, hiện vẫn chiếm khoảng trên 70% toàn bộ lực lượng lao động xã hội. Vấn đề đặt ra là phải giảm dần về mặt tỷ trọng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp trong toàn bộ lực lượng lao động của nền kinh tế quốc dân. Chính vì vậy, trong Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) đã đề ra mục tiêu là đến năm 2010 sẽ giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn 50%.

Việc chuyển dịch cơ cấu nguồn nhân lực trong nông nghiệp phải được dựa trên quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngay trên địa bàn nông thôn, không nên kỳ vọng nhiều vào việc thu hút nguồn nhân lực nông nghiệp từ các ngành công nghiệp và dịch vụ. Vì bản thân các ngành đó cũng chịu sức ép rất lớn trong việc sử dụng nguồn nhân lực hiện có. Do đó, cần chú trọng nâng cao hiệu quả của các ngành nghề truyền thống ở khu vực nông thôn hiện nay (hiện có khoảng 2000 làng nghề truyền thống với khoảng 1,3 triệu thợ thủ công, sản phẩm hàng xuất khẩu đã có mặt tại trên 100 quốc gia). Ngoài ra, việc tham khảo thêm kinh nghiệm thành công và không thành công của các xí nghiệp hương trấn tại nông thôn Trung Quốc (hiện có khoảng 30 triệu xí nghiệp hương trấn, giải quyết việc làm cho khoảng 75 triệu lao động) là đúng, nhưng hiện nay lại rất cần được lưu ý về yếu tố trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của số doanh nghiệp nhỏ và vừa này.

Hiện nay, trình độ lao động tại khu vực kinh tế nông thôn còn yếu về nhiều mặt. Nó chưa đáp ứng những đòi hỏi của nền kinh tế trong tiến trình hội nhập. Trong một thời gian dài, chúng ta chưa chú trọng đến đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực này. Vì thế quá trình chuyển dịch cơ cấu nguồn nhân lực theo

hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở khu vực kinh tế nông thôn chỉ được coi là thành công khi đầu tư vào nguồn phát triển nhân lực phải được coi là một giải pháp lớn và ngân sách nhà nước dành cho nông nghiệp phải chiếm một tỷ trọng đáng kể. Phải có chính sách thỏa đáng về lợi ích vật chất và tinh thần đối với lực lượng trí thức làm việc tại khu vực nông thôn. Vì đó là yếu tố hết sức quan trọng để có thể gia tăng sự phát triển bền vững về kinh tế cũng như các lĩnh vực khác ở khu vực nông thôn. Xây dựng và mở rộng mạng lưới các trường dạy nghề, hướng nghiệp trên địa bàn nông thôn, tổ chức tốt các chương trình “khuyến công” không chỉ đối với các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống, mà đối với cả ngành nghề mới khi mà sản phẩm của nó được thị trường chấp nhận. Mặt khác, cần phát triển mạnh các hoạt động văn hóa tinh thần, nâng cao trình độ dân trí ở địa bàn nông thôn.

3 – Phát triển các làng nghề truyền thống

Một thế mạnh hiện nay của khu vực kinh tế nông thôn đã sản xuất ra các mặt hàng thủ công mỹ nghệ tạo được ấn tượng tốt ở thị trường trong nước và thế giới. Trong những năm gần đây, giá trị các mặt hàng thủ công - mỹ nghệ của ta xuất khẩu đạt trung bình khoảng 300 triệu USD. Dự tính, năm 2005 kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thủ công sẽ đạt gần một tỉ USD. Đây là một con số rất có ý nghĩa khi tính về phương diện hiệu suất sinh lời của đồng vốn; thực tế nó vẫn đang cao hơn nhiều so với các mặt hàng nông sản xuất khẩu của ta như: gạo, cà phê, cao su. Theo một số chuyên gia kinh tế đánh giá các mặt hàng thủ công - mỹ nghệ xuất khẩu đạt hiệu quả kinh tế rất cao, bởi vì tỷ lệ chi phí trong nước (một chỉ số về năng lực cạnh tranh - DRC) của nó đạt tới 95% - 97%, nghĩa là cứ xuất khẩu 100 đơn vị giá trị mặt hàng này thì thu được từ 95 - 97 đơn vị ngoại tệ ròng. Tiềm năng để phát triển các ngành nghề truyền thống trên địa bàn nông thôn vẫn còn rất lớn. Những tiềm năng

này nếu được khai thác có hiệu quả sẽ tạo ra những chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế nông thôn.

Từ kinh nghiệm thành công trong việc phát triển các ngành nghề truyền thống ở những địa phương như: Bắc Ninh, Hà Tây, Đồng Nai, Bình Dương..., Nhà nước cần sớm xây dựng một chiến lược phát triển các ngành nghề truyền thống mang tầm vóc quốc gia theo hướng liên kết, đan xen giữa các vùng, các miền, các khu vực trong cả nước với nhau nhằm khai thác và tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực. Đặc biệt là các thợ thủ công có trình độ tay nghề cao; từ đó, tạo ra một không gian kinh tế rộng lớn đối khu vực kinh tế nông thôn, nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn lên một cấp độ mới theo cơ chế thị trường.

Việc phát triển các ngành, nghề truyền thống cần đặt trong bối cảnh nền kinh tế đất nước đang chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Điều đó có nghĩa là các sản phẩm thủ công - mỹ nghệ phải chủ yếu hướng về xuất khẩu. Do đó, công tác xúc tiến thương mại nhằm tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trở thành điểm mấu chốt, vì chỉ có tiêu thụ được sản phẩm của mình thì các ngành, nghề truyền thống mới có thể tồn tại và phát triển. Thực tế cho thấy, hầu hết các mặt hàng thủ công - mỹ nghệ của ta sau một thời gian dài không được quan tâm phát triển đúng mức. Vì thế, quy mô vốn đầu tư nhỏ, năng lực và trình độ quản lý còn yếu, công nghệ sản xuất lạc hậu. Theo số liệu điều tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), có đến 70% số làng nghề thủ công ở Việt Nam đang thiếu công nghệ, thiếu các chuyên gia giỏi về thiết kế các mẫu mã, kiểu dáng (một yếu tố cực kỳ quan trọng để khẳng định vị thế của các sản phẩm thủ công - mỹ nghệ trên thị trường quốc tế); có tới 81,5% làng nghề khó khăn về vốn, nhiều làng nghề

(Xem tiếp trang 72)

Ở châu Á, Nhật Bản là nước đi tiên phong trong việc tìm các nguồn năng lượng mới. Thực hiện chỉ tiêu của Nghị định thư Ky-ô-tô về môi trường, Nhật Bản đã phát triển loại nhiên liệu "xanh" ít khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Đây là hỗn hợp xăng và e-ta-nôn (ethanol) sinh học, được sử dụng thay thế các nhiên liệu hóa thạch. Loại nhiên liệu này sẽ được bán tại các trạm nhiên liệu đặc biệt vào đầu năm 2008 và dự kiến sẽ chiếm 10% nguồn nhiên liệu cung cấp cho ô tô ở Nhật Bản vào năm 2010. Nhật Bản hiện cũng đang nghiên cứu sản xuất e-ta-nôn từ gỗ phế thải để giảm giá loại nhiên liệu sinh học này. Ngoài ra, Nhật Bản còn là nước sản xuất pin mặt trời lớn nhất thế giới.

Trung Quốc cũng là một nước tích cực theo đuổi kế hoạch phát triển các nguồn năng lượng "xanh" trong lĩnh vực xây dựng, giao thông và điện lực. Theo kế hoạch, Trung Quốc sẽ triển khai xây dựng các "cao ốc xanh" ở Trùng Khánh. Hiện nay, Ủy ban Bảo vệ năng lượng tự nhiên Trung Quốc đang nỗ lực hỗ trợ việc đề ra các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng tại các công trình công cộng như bệnh viện, trung tâm thương mại, cao ốc, văn phòng... đồng thời hỗ trợ Bộ Xây dựng Trung Quốc đưa ra các tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng trong chiếu sáng công cộng. Trung Quốc cũng dự kiến vào năm 2006 sẽ khởi công xây dựng nhà máy điện chạy bằng sức gió đầu tiên tại vùng duyên hải phía Nam và vùng Nội Mông. Bên cạnh đó, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh việc chế tạo, sản xuất xe hơi chạy bằng điện...

Cho đến nay, không ai có thể khẳng định dầu mỏ sẽ biến mất trong một hay hai thập niên tới và sẽ bị thay thế bằng loại nhiên liệu khác. Nhưng do sự biến đổi của khí hậu, sự biến động của giá dầu và sự mất an ninh của các nguồn cung cấp dầu thô, các nước buộc phải chuyển hướng sang tìm các nguồn năng lượng khác. Nhiều nhà khoa học hy vọng trong tương lai không xa, loài người sẽ thoát khỏi sự lệ thuộc vào dầu mỏ, cũng như nỗi ám ảnh về một tương lai kinh tế ảm đạm khi nguồn "vàng đen" cạn kiệt. □

LỐI RA CHO TIẾN TRÌNH...

(Tiếp theo trang 49)

thiếu thông tin thị trường. Điều này làm cho việc sản xuất hàng thủ công - mỹ nghệ của ta hết sức thụ động, hoàn toàn phụ thuộc vào đơn đặt hàng của thương nhân, làm chậm trễ việc mở rộng và chiếm lĩnh thị trường.

Để các ngành nghề truyền thống phát triển bền vững, Nhà nước cần ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, ưu đãi về thuế suất, lãi suất tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực, như: cán bộ quản lý, chuyên gia lành nghề, nghệ nhân, thợ thủ công lành nghề. Đây được xem như là một cú huých quan trọng để tạo nên sự chuyển biến về chất trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn. Bên cạnh đó các hoạt động dịch vụ như thương mại - du lịch cũng cần được mở rộng và nâng lên với một cấp độ mới.

Khi các sản phẩm đã có chỗ đứng trên thị trường, các làng nghề cần nhanh chóng tạo dựng cho mình một thương hiệu, nhằm khẳng định uy tín sản phẩm của mình trên thương trường. Những thương hiệu sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam nổi tiếng từ lâu như: đồ gốm Bát Tràng, Minh Long, tơ lụa Vạn Phúc... hiện cũng là một lợi thế cần phát huy để gia tăng thị phần, nhất là thị trường nước ngoài. Cần lưu ý là những thương hiệu của các sản phẩm nổi tiếng cũng là một "nguồn vốn" quan trọng đem lại các giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp; sự khác biệt của sản phẩm cũng tạo ra những lợi thế cạnh tranh có nhiều ý nghĩa. Ngoài ra, việc quảng bá các thương hiệu của các mặt hàng thủ công - mỹ nghệ cũng nên được xem như là cầu nối cho giao lưu văn hóa dân tộc với thế giới, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng 54 dân tộc anh em trên đất nước chúng ta. □